TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 532/2026/DS-PT
Ngày: 07 – 9 - 2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng và ông Phạm Thái Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2026/TLPT-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 585/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa phúc thẩm số 34/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Nguyệt A, sinh năm 1962; địa chỉ: Số G đường N, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là số G đường N, phường P, tỉnh Lâm Đồng). (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Ngọc D, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố T, phường M, tỉnh Lâm Đồng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/3/2025). (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

2.2. Bà Thanh Thị Diệu H, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là số C, đường T, phường P, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thanh Thị Diệu H:

- Ông Vũ Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Số C, đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là số C, đường T, phường P, tỉnh Lâm Đồng) (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/8/2025). (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thụy Thiên T, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/10/2025 và Hợp đồng ủy quyền ngày 04/9/2026). (Có mặt)

- Ông Hoàng Minh H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Số G N, phường P, tỉnh Lâm Đồng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/9/2026). (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Văn L và bà Thanh Thị Diệu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn bà Đặng Thị Nguyệt A trình bày: Vợ chồng bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L có mượn tiền của bà Đặng Thị Nguyệt A theo Giấy mượn tiền ngày 02/01/2024 với 02 khoản tiền:

- Khoản 1: 2.820.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất 01%/tháng (30 ngày).

- Khoản 2: 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng), không có lãi suất.

Thời hạn trả là ngày 30/9/2024. Tuy nhiên khi đến thời hạn trả bà A đã nhiều lần liên hệ nhưng vợ chồng ông L, bà H liên tục né tránh và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó nguyên đơn bà A đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên buộc bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L phải trả cho bà Đặng Thị Nguyệt A số tiền nợ gốc 3.590.000.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng)* và lãi suất cụ thể như sau:

+ Đối với khoản tiền gốc 2.820.000.000 đồng, mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 02/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Đối với khoản tiền gốc 770.000.000 đồng, lãi suất quá hạn 10%/năm từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Buộc ông L, bà H tiếp tục chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu bị đơn bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Nguyệt A số tiền nợ gốc 3.590.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi: Đối với khoản tiền gốc 2.820.000.000 đồng, mức

lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 02/01/2024 đến nay; Đối với khoản tiền gốc 770.000.000 đồng, mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01/10/2024 đến nay; Ngoài ra bị đơn phải chịu tiền lãi tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ.

Cụ thể, số tiền nợ gốc 3.590.000.000 và tiền lãi của 02 khoản tiền gốc là 792.774.932 đồng, trong đó:

Tiền lãi khoản tiền gốc 2.820.000.000 đồng, mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 02/01/2024 đến ngày 20/01/2026 là 694.415.342 đồng.

Tiền lãi khoản tiền gốc 770.000.000 đồng, lãi suất quá hạn 10%/năm từ ngày 01/10/2024 đến ngày 20/01/2026 là 98.359.589 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 4.382.774.932 đồng (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

2. Bị đơn bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L trình bày: Giữa vợ chồng ông, bà và gia đình bà A có mối quan hệ anh em kết nghĩa, do bà H cần tiền nên có mượn tiền bà A làm ăn. Quá trình làm ăn, bà H có vay mượn bà A khoản tiền, tuy nhiên đến nay hai bên chưa đối chiếu sổ sách, số tiền gốc và tiền lãi đã trả. Lúc đầu bà H vay bà A nhiều lần tổng 04 tỷ đồng, đã trả tiền gốc 1,5 tỷ đồng. Do dịch không trả tiền nổi nhưng vẫn trả lãi. Sau đó vợ chồng ông, bà không trả lãi nên bà A tính lãi vào gốc và tiền mua vật tư thiết bị điện tử vào tiền gốc nên thành 3.590.000.000 đồng tiền gốc như bà A kiện đòi. Vợ chồng ông, bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho bà A cùng vợ chồng ông gặp nhau tại nhà để thỏa thuận, chốt công nợ và chốt ngày trả nợ. Ông, bà thừa nhận có nợ bà A và sẽ bán tài sản để trả nợ.

Quá trình hòa giải, ông L và bà H có lời khai:

Giữa vợ chồng ông L, bà H và gia đình bà A có mối quan hệ anh em kết nghĩa. Bà H và bà A có quan hệ hùn hạp làm ăn từ năm 2018, sau đó thua lỗ bà A làm giấy mượn tiền yêu cầu bà H ký vào. Theo Giấy mượn tiền ngày 02/01/2024 có 02 khoản tiền:

- Khoản 1: 2.820.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng) trong đó có tiền nợ và vật tư. Số tiền này phát sinh từ năm 2018.

- Khoản 2: 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) thì ông, bà không công nhận số tiền này, đây không phải là tiền mượn mà là bà A tính lãi của khoản 1 số tiền 2.820.000.000 đồng và yêu cầu bà H phải chịu số tiền này.

Nay bà A yêu cầu vợ chồng ông trả nợ phải có bằng chứng, hợp đồng vay tiền phải có công chứng, chứng thực và đưa bằng chứng giao nhận tiền.

Quá trình làm ăn từ năm 2019 vợ chồng ông đã trả cho bà A cho tới nay 2.447.600.000 đồng thông qua 02 con gái bà A là Út B và M bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn ông Vũ Văn L không đồng ý yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn bà A yêu cầu vợ chồng ông, bà trả nợ thì phải chứng minh có Hợp đồng vay tiền được công chứng, chứng thực và bằng chứng giao nhận tiền. Khi bà H mượn tiền của bà A, ông L không biết. Sau khi sự việc xảy ra, vì tình nghĩa vợ chồng thì ông hứa giúp bà H trả tiền nợ cho bà A, tuy nhiên ông xác định bà H chỉ còn nợ bà A và đồng ý trả cho bà A số tiền 1.500.000.000 đồng.

+ Bà Thanh Thị Diệu H: Xác nhận đến nay còn nợ nguyên đơn bà A số tiền 1.500.000.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này.

***/ Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng, đã quyết định:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 116, 213, 280, 288, 357, 429, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 ;

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Nguyệt A đối với bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L về việc:*"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Nguyệt A tổng số tiền 4.382.774.932 đồng *(Bốn tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng)*. Trong đó bao gồm: Nợ gốc 3.590.000.000 đồng *(Ba tỷ, năm trăm chín mươi triệu đồng)* và tiền lãi đến ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/01/2026 là 792.774.932 đồng *(Bảy trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng)*. Cụ thể tiền lãi như sau:

- Đối với khoản tiền gốc 2.820.000.000 đồng, lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 02/01/2024 đến ngày 20/01/2026 là 694.415.342 đồng.

- Đối với khoản tiền gốc 770.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 20/01/2026 là 98.359.589 đồng.

Kể từ ngày 21/01/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi chậm trả, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Văn L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Thanh Thị Diệu H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, điều chỉnh số tiền nợ phải trả là 2.000.000.000 đồng.

***/ Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Thanh Thị Diệu H thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tuyên bố Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước khi nghị án; Các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Thanh Thị Diệu H không cung cấp chứng cứ gì mới nên kháng cáo của bị đơn bà Thanh Thị Diệu H không có cơ sở chấp nhận, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng. Đối với ông Vũ Văn L vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Vũ Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (**HĐXX**) nhận định như sau:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng thụ lý và giải quyết tranh chấp giữa các đương sự là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người kháng cáo ông Vũ Văn L vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng không đưa ra được lý do chính đáng nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Thanh Thị Diệu H, HĐXX nhận thấy: Giữa bà H và bà A cùng thừa nhận ký Giấy mượn tiền ngày 02/01/2024, theo đó bà A cho vợ chồng bà H, ông L vay 02 khoản tiền 2.820.000.000 đồng và 770.000.000 đồng. Các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng lập đúng hình thức, nội dung tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, do đó các đương sự tự tham gia giao dịch dân sự thì phải tự chịu trách nhiệm về các giao dịch mình đã tham gia ký kết.

[4] Bà H, ông L cho rằng mình chỉ ký mượn tiền vì bị ép buộc chứ không nhận tiền nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Tại Giấy mượn tiền ngày 02/01/2024 xác định: Vay tiền vì mục đích cá nhân, bên vay xác nhận đã nhận đủ số tiền của bên cho vay. Như vậy HĐXX xác định việc vay mượn tiền giữa bà A với vợ chồng bà H, ông L là có thật, bị đơn đã nhận đủ tiền từ nguyên đơn. Bị đơn không chứng minh được việc trả nợ, không chứng minh được việc không nhận được tiền, không chứng minh được việc trả lãi thì phải chịu trách nhiệm trả nợ do vi phạm hợp đồng.

[5] Về việc thời gian tại Giấy mượn tiền mâu thuẫn, không phù hợp với giấy căn cước công dân của ông L. HĐXX nhận thấy các đương sự đều thừa nhận đã ký Giấy mượn tiền, thừa nhận các bên đã có giao dịch vay mượn tiền trong thời gian dài, do đó thời gian không khớp nhau không ảnh hưởng đến nội dung Hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cùng thừa nhận giao dịch dân sự đã xảy ra trước đó không làm cho giao dịch dân sự bị vô hiệu. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Như vậy, xem xét toàn bộ quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, thì cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo do đó yêu cầu kháng cáo của bị

đơn là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị đơn ông Vũ Văn L là người cao tuổi, sau khi xét xử sơ thẩm mới có Đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Vũ Văn L.

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Thanh Thị Diệu H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng.

3. Căn cứ:

- Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, Điều 213, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

4. Tuyên xử:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Nguyệt A đối với bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Nguyệt A tổng số tiền 4.382.774.932 đồng *(Bốn tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng)*. Trong đó bao gồm: Nợ gốc 3.590.000.000 đồng *(Ba tỷ, năm trăm chín mươi triệu đồng)* và tiền lãi đến ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/01/2026 là 792.774.932 đồng *(Bảy trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng)*. Cụ thể tiền lãi như sau:

- Đối với khoản tiền gốc 2.820.000.000 đồng, lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 02/01/2024 đến ngày 20/01/2026 là 694.415.342 đồng.

- Đối với khoản tiền gốc 770.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 20/01/2026 là 98.359.589 đồng.

Kể từ ngày 21/01/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thanh Thị Diệu H và ông Vũ Văn L phải chịu 112.382.775 đồng *(Một trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị Nguyệt A được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà A có đơn xin miễn nộp án phí Tòa án.

4.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thanh Thị Diệu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp được chuyển thành án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002872 ngày 11/02/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/9/2026).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND KV10 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV10 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương